

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04/7/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Cao Nguyệt N**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số C N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: B13 khu đô thị T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Số C N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; hiện đang ở Hàn Quốc.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Cao Nguyệt N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường B, thành phố H năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong cách nuôi dạy con và chi tiêu

trong gia đình. Khoảng năm 2017 – 2018 anh T đi Hàn Quốc lao động. Do xa cách và mâu thuẫn từ trước nên vợ chồng ít khi liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định hai bên không còn tình cảm, không có đời sống chung vợ chồng nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bá T1, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Cao Thanh K, sinh ngày 16/10/2011, hiện đang ở với chị N. Chị N trình bày bản thân đủ điều kiện, khả năng nuôi dưỡng con chung nên khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Mạnh H trình bày: Anh H là em trai của anh Nguyễn Văn T, chị Cao Nguyệt N là vợ anh T và là chị dâu anh H. Anh T đi Hàn Quốc lao động từ năm 2017 – 2018 đến nay chưa về Việt Nam. Anh H không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Hàn Quốc nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng anh H vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án, cam kết thông báo và gửi ngay cho anh T. Về mâu thuẫn giữa chị N và anh T thì anh H không rõ, anh H chỉ được anh T nhờ hỗ trợ trong việc giải quyết ly hôn với chị N và quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung thì chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bá T1, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Cao Thanh K, sinh ngày 16/10/2011, hiện đang ở cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì anh T đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung, chị N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này thì anh T không có ý kiến gì; khi nào về nước nếu anh T có nguyện vọng thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Tại Công văn số 10590/QLXNC-P3 ngày 22/5/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp: Anh Nguyễn Văn T xuất cảnh lần gần nhất ngày 12/12/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Cao Nguyệt N ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao con chung Nguyễn Bá T1, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Cao Thanh K, sinh ngày 16/10/2011 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự

nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị N đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Chị N, anh T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh T hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2017 – 2018 anh T đi Hàn Quốc lao động thì vợ chồng ít khi liên lạc do sống xa cách và có mâu thuẫn từ trước. Xét thấy chị N và anh T đã ly thân nhiều năm, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn thì anh T đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bá T1, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Cao Thanh K, sinh ngày 16/10/2011, hiện đang ở với chị N. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung thì anh T đồng ý, các con chung có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên, nguyện vọng của con chung và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị N đã được Tòa án giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng là để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nhưng xét thấy chị N đủ điều kiện, khả năng nuôi con, việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh T yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị N là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Nguyệt N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Nguyệt N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bá T1, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Cao Thanh K, sinh ngày 16/10/2011 cho chị Cao Nguyệt N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Cao Nguyệt N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cao Nguyệt N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 03/4/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000574; chị N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Nguyệt N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường N, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng